TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2020/KDTM- ST
Ngày: 11/05/2020
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà ***Đào Thị Hồng Lý.***

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông ***Phùng Văn Tầu.***
2. Ông ***Nguyễn Đình Hiền.***

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông ***Nguyễn Mạnh Đức*** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

Đại diện VKSND quận Hà Đông tham gia phiên toà: Bà ***Hoàng Thị Thu Giang*** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 28/2018/TLST-KDTM ngày 03/05/2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXX - KDTM, ngày 16/03/20120 và Quyết định hoãn phiên toà số 04/2020/QĐST-KDTM ngày 06/04/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV QLTS (VAMC).

Địa chỉ trụ sở: Số 22 H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Tiến D – Chủ tịch HĐTV.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Công H, ông Nguyễn Quốc Kh, ông Đinh Tiến L, ông Trần Xuân H, ông Nguyễn Huy H – Cán bộ tín dụng Ngân hàng DKTC (Theo Giấy ủy quyền số 79/2018/UQ - TGĐ ngày 29/8/2018). (ông L, ông H có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Chị Nguyễn Thị Hồng Th – sinh năm 1975.

2.2. Anh Lê Tiến B – sinh năm 1973.

Hiện đều trú tại: số nhà 272, ngõ 88, tổ dân phố 13 M, phường K, quận H, thành phố Hà Nội. (Đều vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

3.1. Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1936 (là mẹ đẻ anh B).

3.2. Anh Lê Tiến C – sinh năm 1999 (là con chị Th, anh B).

3.3. Cháu Lê Thúy Ng – sinh năm 2008 (là con chị Th, anh B. Cháu Ng do chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Lê Tiến B là đại diện).

Đều hiện đều trú tại: số nhà 272, ngõ 88, tổ dân phố 13 M, phường K, quận H, thành phố Hà Nội. (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn và người đại diện của Nguyên đơn trình bày:

1. Ngày 21/07/2011, Ngân hàng TMCP DKTC (nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV DKTC) và bà Nguyễn Thị Hồng Th, ông Lê Tiến B đã ký kết hợp đồng tín dụng số 0350/HĐTD-GPBTLG/11 để cho bà Th, ông B vay với số tiền là 1.900.000.000 đồng; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền vay lần đầu tiên theo Hợp đồng tín dụng này; mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh đá xẻ, đá ốp lát; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 25%/năm, thay đổi 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ theo quy định của biểu lãi suất cho vay trong từng thời kỳ của GPBank.

2. Tại khế ước nhận nợ số LD1120200277 ngày 21/07/2011, bà Thắm, ông Bình đã nhận 1.900.000 đồng từ Ngân hàng TMCP DKTC với thời hạn vay 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là 21/07/2012, lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng. Lãi suất kỳ đầu tiên là 22,5%/năm.

3. Tài sản bảo đảm tiền vay của Hợp đồng tín dụng nêu trên là: Thửa đất số 56 tờ bản đồ số 43, xóm Giếng, thôn Mậu Lương, Hà Đông, Hà Tây (nay là số nhà 272, ngõ 88, tổ 13, Mậu Lương, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ681699 do UBND quận Hà Đông, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/07/2011 cho ông Lê Tiến B và bà Nguyễn Thị Hồng Th, được bên thế chấp thế chấp cho Ngân hàng TMCP DKTC theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 6331,11 quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/7/2011. Tại Văn phòng công chứng số 1 thành phố Hà Nội. Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp ngày 20/7/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên môi trường) quận Hà Đông, Hà Nội.

4. Quá trình thực hiện hợp đồng ông B, bà Th đã thanh toán trả cho Ngân hàng được 50.658.735 đồng tiền lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn; sau đó không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng nữa. Vì vậy toàn bộ khoản nợ trên của ông B, bà Th đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 21/07/2012. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông B, bà Th thanh toán tiền trả nợ Ngân hàng nhưng ông B, bà Th không thanh toán trả. Việc ông B, bà Th chậm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng

đã vi phạm hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

5. Ngày 20/5/2014, Ngân hàng TMCP DKTC làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc ông B, bà Th trả cho Ngân hàng TMCP DKTC với tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/05/2014 là 3.099.463.046 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 1.900.000.000 đồng; lãi quá hạn 1.199.463.046 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông B, bà Th phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi tất toán xong khoản nợ.

Trong trường hợp ông Lê Tiến B và bà Nguyễn Thị Hồng Th không thanh toán được khoản nợ trên, thì Ngân hàng TMCP DKTC có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Ngày 18/11/2014, Ngân hàng DKTC đã bán khoản nợ trên cho Công ty QLTS (sau đây gọi tắt là VAMC) theo Hợp đồng mua, bán nợ số 5832/2014/MBN.VAMC2-GPBANK.

6. ***Bị đơn ông Lê Tiến B và bà Nguyễn Thị Hồng Th***: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo giao nộp chứng cứ, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông B, bà Th nhưng ông B, bà Th đều không đến toà làm việc cũng không trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị T, anh Lê Tiến C, cháu Lê Thúy Ng (cháu Ng do ông B, bà Th là người đại diện) đều không đến toà làm việc cũng không trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

8. Tại phiên tòa:

+ Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

+ Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn, bị đơn, ngời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án này là Hợp đồng tín dụng số 0350/HĐTD-GPBTLG/11 vào ngày 21/07/2011 giữa Ngân hàng DKTC (nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV DKTC) với ông Lê Tiến B, bà Nguyễn Thị Hồng Th. Do ông B, bà Th trú tại số nhà 272, ngõ 88, tổ dân phố 13 M, phường K, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, vay tiền mục đích bổ sung vốn kinh doanh đá lát, đá xẻ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hà Đông giải quyết sơ thẩm.

Thời điểm giao kết Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0350/HĐTD-GPBTLG/11 vào ngày 21/07/2011, Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, bị đơn là ông Lê Tiến B và bà Nguyễn Thị Hồng Th; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị T, anh Lê Tiến C, cháu Lê Thúy Ng (cháu Ng do ông B, bà Th là người đại diện) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng, Tòa nhận thấy:

Ngày 21/07/2011, giữa ông Lê Tiến B cùng vợ là bà Nguyễn Thị Hồng Th và Ngân hàng DKTC ký Hợp đồng tín dụng số 0350/HĐTD-GPBTLG/11. Theo hợp đồng, Ngân hàng DKTC cho ông Lê Tiến B và bà Nguyễn Thị Hồng Th vay số tiền 1.900.000.000 đồng; Hợp đồng được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Bằng khế ước nhận nợ mã số LD1120200277 ngày 21/07/2011 và Giấy đề nghị kiêm bảng kê rút vốn ngày 21/07/2011 Ngân hàng DKTC đã giải ngân bằng hình thức chuyển khoản số tiền 1.900.000.000 đồng cho ông B, bà Th.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B, bà Th chưa trả được đồng nợ gốc nào. Tính đến nay, số tiền nợ gốc ông B, bà Th còn nợ Ngân hàng vẫn là 1.900.000.000 đồng. Do vậy, yêu cầu đòi khoản nợ gốc của Ngân hàng là có cơ sở cần được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về các khoản nợ lãi gồm có:

nợ lãi trong hạn: 300.446.379 đồng; lãi quá hạn: 4.684.627.245 đồng tính đến hết ngày 11/05/2020. Tổng cộng là: 4.985.073.624 đồng. Tòa nhận thấy:

[2.2.1] Về lãi trong hạn: Ngân hàng DKTC và ông Lê Tiến B cùng vợ là bà Nguyễn Thị Hồng Th ký Hợp đồng tín dụng số 0350/HĐTD-GPBTLG/11, ngày 21/7/2011. Tại Điều 2 mục 2 của Hợp đồng hai bên đã ký kết có thỏa thuận về mức lãi suất cho vay như sau: "...áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ theo quy định của biểu lãi suất cho vay trong từng thời kỳ của GPBank". Xét lãi suất các bên có thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu này của Nguyên đơn.

[2.2.2] Về khoản lãi quá hạn các bên có thỏa thuận tại mục I điểm 1 trong Các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng như sau: "Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn được xác định tại thời điểm khoản vay chuyển sang quá hạn" và Mục III điểm 4 trong Các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng đã tính toán khoản lãi này đối với khế ước nhận nợ mã khách hàng số 10149466 ngày 21/07/2011, cụ thể như sau: Khoản lãi quá hạn được chuyển từ ngày 11/06/2012 đến ngày xét xử (11/05/2020) là: 4.684.627.245 đồng. Xét lãi suất nợ quá hạn các bên có thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu này của Nguyên đơn.

Như vậy, tổng số tiền nợ lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) mà phía nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là: 4.985.073.624 đồng. Cần buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền này cho nguyên đơn.

Tổng cộng: gốc 1.900.000.000 đồng + lãi trong hạn 300.446.379 đồng + lãi quá hạn 4.684.627.245 đồng = 6.885.073.624 đồng.

- Ngày 18/11/2014, Ngân hàng DKTC đã bán khoản nợ nêu trên cho Công ty QLTS (sau đây gọi tắt là VAMC) theo Hợp đồng mua, bán nợ số 5832/2014/MBN.VAMC2-GPBANK, nên Công ty quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam có quyền đòi ông Lê Tiến B và bà Nguyễn Thị Hồng Th khoản nợ nêu trên.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam buộc ông Lê Tiến B và bà Nguyễn Thị Hồng Th phải thanh toán trả Công ty quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam toàn bộ số tiền 6.885.073.624 đồng. (Sáu tỷ, tám trăm tám lăm triệu, không trăm bảy ba nghìn, sáu trăm hai mươi bốn đồng chẵn).

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo của khoản vay, Tòa nhận thấy:

Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng và gia đình Lê Tiến B và bà Nguyễn Thị Hồng Th đều được các bên tự nguyện tham gia ký kết và được lập tại phòng công chứng, đúng quy định của pháp luật, tài sản thế chấp đã được đăng ký đảm bảo tại cơ quan có thẩm quyền đúng quy định của pháp luật nên Hợp đồng thế

chấp là hợp pháp. Vì vậy yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Công ty quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam trong trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ được chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 114.885.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 30; Điều 35; 39,147; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 305; 342; 343; 351; 355; 474; 476 Luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với ông Lê Tiến B và bà Nguyễn Thị Hồng Th.

2. Buộc ông Lê Tiến B và bà Nguyễn Thị Hồng Th phải thanh toán trả Công ty quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0350/HĐTD-GPBTLG/11, ngày 21/7/2011 tính đến ngày 11/05/2020, gồm các khoản sau:

- Nợ gốc: 1.900.000.000 đồng.

- Lãi trong hạn: 300.446.379 đồng.

- Lãi quá hạn: 4.684.627.245 đồng.

Tổng cộng: 6.885.073.624 đồng. (Sáu tỷ, tám trăm tám lăm triệu, không trăm bảy ba nghìn, sáu trăm hai mươi bốn đồng chẵn).

Trong trường hợp ông Lê Tiến B và bà Nguyễn Thị Hồng Th không trả nợ, hoặc trả không đủ số tiền nợ, Công ty quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với thửa đất số 56 tờ bản đồ số 43, xóm Giếng, thôn Mậu Lương, Hà Đông, Hà Tây (nay là số nhà 272, ngõ 88, tổ 13, Mậu Lương, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ681699 do UBND quận Hà Đông, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/07/2011 cho ông Lê Tiến B và bà Nguyễn Thị Hồng Th, được bên thế chấp

thế chấp cho Ngân hàng TMCP DKTC theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 6331,11 quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/7/2011. Tại Văn phòng công chứng số 1 thành phố Hà Nội. Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp ngày 20/7/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên môi trường) quận Hà Đông, Hà Nội.

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông B, bà Th vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản đảm bảo sau khi thanh toán hết khoản nợ còn thừa, thì Công ty quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam có trách nhiệm trả lại cho ông Lê Tiến B và bà Nguyễn Thị Hồng Th.

Kể từ ngày 12/05/2020 cho đến khi thi hành xong bản án, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0350/HĐTD-GPBTLG/11, ngày 21/7/2011, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

- Ông Lê Tiến B và bà Nguyễn Thị Hồng Th phải nộp là 114.885.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả lại Ngân hàng thương mại TNHH MTV DKTC số tiền 44.000.000 (bốn mươi bốn triệu đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01334 ngày 24/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA